TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23-9-2019
V/v ly hôn giữa
Anh T và chị H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thanh Nhung**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Nguyễn Thành**
2. Ông **Huỳnh Kim Sơn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Lệ Trinh** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 275/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1979 (có mặt).
Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1982 (vắng mặt).
Cùng địa chỉ: Ấp 1B, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/6/2019 và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H cưới nhau vào năm 2002, hôn nhân do tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 18/01/2002 tại UBND xã T, huyện C tỉnh Long An. Anh và chị H chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H cờ bạc, không lo làm ăn, anh đã khuyên nhiều lần nhưng chị H không thay đổi. Anh và chị H đã ly thân từ tháng 4/2018 cho đến nay nhưng không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hồng T, sinh năm 1998 và cháu Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 06/3/2014, cháu T đang do chị H nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh đồng ý cho chị H được tiếp tục nuôi cháu T anh không cấp dưỡng nuôi con. Đối với Nguyễn Hồng T đã trưởng thành, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: không có.

Về nợ chung: Không có.

Tòa án tiến hành lập thủ tục thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị H. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án thông báo và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng đều vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp. Theo anh T nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do chị H không lo làm ăn nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị H nhưng chị H không đến Tòa án, chứng tỏ chị H không có thiện chí hàn gắn tình cảm với anh T để vợ chồng đoàn tụ, anh T cương quyết ly hôn vì cho rằng vợ chồng không có khả năng hàn gắn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh T yêu cầu được ly hôn với chị H là có căn cứ. Do đó, cần áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn T.

[2.2] Về nuôi con chung: Theo chứng cứ do anh T cung cấp, anh T và chị H có 02 con chung tên Nguyễn Hồng T, sinh năm 1998 và cháu Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 06/3/2014, cháu T đang do chị H nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh T đồng ý cho chị H được tiếp tục nuôi cháu T, anh không cấp dưỡng nuôi con. Đối với Nguyễn Hồng T đã trưởng thành, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy cháu T đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T đồng ý cho chị H được tiếp tục nuôi cháu T. Do đó, để đảm bảo sự phát triển ổn định của con nên Hội đồng xét xử quyết định chị H được tiếp tục nuôi cháu T. Anh Nguyễn Văn T không cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về chia tài sản và nợ chung: Do chị H không có văn bản trình bày vấn đề này, anh T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu các đương sự có tranh chấp, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[2.4] Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T về việc "Ly hôn" với chị Nguyễn Thị H.

1.Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

2.Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị H được tiếp tục nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 06/3/2014. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Toà án có thể thay đổi người nuôi dưỡng cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

3.Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0001382 ngày 01/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đước.

4.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Đước;
- Chi cục THADS huyện Cần Đước;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Thanh Nhung